

Số: **100/2023/QĐST-HNGĐ**

Bắc Từ Liêm, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2011, đăng ký ngày 15/08/2011 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023, về việc “Ly hôn”, gồm những đương sự sau đây:

Nguyên đơn: Anh Mai Xuân K, sinh năm 1982;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: CH 2226 N02 Ecohome 3, phường Đ, quận B, thành phố H.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Mai Xuân K và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 15/08/2011 có Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2011 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q. Vợ chồng kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cả hai đều không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Tại Tòa án, ngày 06/03/2023, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận các vấn đề sau:

Về tình cảm: Anh Mai Xuân K và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Mai Thục A, sinh ngày 19/12/2011; cháu Mai Linh S, sinh ngày 19/4/2014. Giao cháu A và S cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện đóng góp tiền nuôi

con cho chị L 2.000.000đ/tháng/1 con cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh K được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Anh Mai Xuân K tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân K và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Mai Thực A, sinh ngày 19/12/2011; cháu Mai Linh S, sinh ngày 19/4/2014. Giao cháu A và S cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện đóng góp tiền nuôi con cho chị L 2.000.000đ/tháng/1 con cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh K được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về án phí ly hôn: Anh Mai Xuân K tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 43703 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu Hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga